TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: **495**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 29 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 397; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 513/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, về việc: *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Chị **Phạm Thị N**, sinh năm: 1972; HKTT và nơi cư trú: phường B, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Anh **Trương Dương Q**, sinh năm: 1967; HKTT: phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Nơi ở: huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị Phạm Thị N và anh Trương Dương Q xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 09/02/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hòa hợp. Nay cả hai

cùng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cùng thuận tình ly hôn.

Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về các nội dung: nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, giải quyết phân chia tài sản chung, công nợ chung và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 19/7/2024.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trương Dương Q.

- Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Trương Dương Q có 02 (hai) con chung là Trương Huyền T (Nữ), sinh ngày 25/8/1993 và Trương Hải Y (Nữ), sinh ngày 20/4/1995. Các con chung đã thành niên, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Phạm Thị N và anh Trương Dương Q không có tài sản chung. Ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

- Về vay nợ chung: Chị Phạm Thị N và anh Trương Dương Q không có nợ chung (không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ). Ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024129 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội;
- UBND phường B, Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Bùi Trung Tuyến